

Bản án số: 29 /2021/ HN-ST

Ngày: 09-02-2021

“V/v Ly hôn giữa ông T và bà S”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **VÕ MINH T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **LÊ THỊ BÉ S**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **VÕ THỊ MINH T1**, sinh năm 1995

3.2. Chị **VÕ THỊ HỒNG D**, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày:** Do quen biết và được gia đình đồng ý nên ông và bà S tổ chức đám cưới năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và

ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà S thường có lời lẽ xúc phạm ông làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Con chung: Có 02 con chung là Võ Thị Minh T1 sinh ngày 16/10/1995 và Võ Thị Hồng D sinh ngày 09/11/1998. Hiện các con đã trưởng thành, có công việc ổn định. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà S.

Tại tờ tự khai ngày 22/01/2021, biên bản hòa giải ngày 25/01/2021 ông T trình bày: Ông đồng ý chia cho bà S căn nhà cấp 4 ngang khoảng 04m, dài khoảng 13m, diện tích 52m² cất trên đất ông Lê Văn H tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chia cho ông căn nhà cấp 4 ngang khoảng 03m, dài khoảng 18m, diện tích 54m² cất dưới mé sông tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Các thửa đất 2097, diện tích 1.202m² và thửa 2098, diện tích 136m² tại ấp L, xã M là của ông nên không đồng ý chia, ông sẽ chia đôi hoa lợi cho các con hàng năm. Chia cho bà S 150.000.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc xe Dream biển số 63S3-3598.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu được ly hôn với bà S. Tài sản chung đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

- Bị đơn bà Lê Thị Bé S tại tờ tự khai ngày 27/10/2020 trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông T về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng là không có nên không đồng ý ly hôn. Tài sản chung tự thỏa thuận.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2020 bà S trình bày: Trong quá trình chung sống bà và ông T có các tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 ngang khoảng 04m, dài khoảng 13m, diện tích 52m² cất trên đất ông Lê Văn H tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 01 căn nhà cấp 4 ngang khoảng 03m, dài khoảng 18m, diện tích 54m² cất trên đất ông H tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; các thửa đất 2097, diện tích 1.202m² và thửa 2098, diện tích 136m² tại ấp L, xã M do ông T đại diện hộ gia đình đứng tên; 350.000.000 đồng tiền mặt. Bà yêu cầu chia ¼ giá trị tài sản chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021 bà S trình bày: Bà đồng ý nhận căn nhà cấp 4 ngang khoảng 04m, dài khoảng 13m, diện tích 52m² cất trên đất ông Lê Văn H tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chia cho ông T căn nhà cấp 4 ngang khoảng 03m, dài khoảng 18m, diện tích 54m² cất dưới mé sông tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Các thửa đất 2097, diện tích 1.202m² và thửa 2098, diện tích 136m² tại ấp L, xã M không cần chia, đồng ý việc ông T sẽ chia đôi hoa lợi cho các con hàng năm. Đồng ý nhận 150.000.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc xe Dream biển số 63S3-3598. Bà đồng ý rút yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa, bà S đồng ý ly hôn với ông T. Về tài sản chung, bà vẫn giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu chia tài sản chung theo biên bản hòa giải ngày 25/01/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Minh T, Võ Thị Hồng D tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021 cùng trình bày: Các chị thống nhất với ý kiến của ông T và bà S về việc thỏa thuận chia tài sản chung.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè còn chậm so với thời gian luật định.

Ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 14 Luật hôn nhân và gia; Nghị quyết 35/2000/ NQ-QH10; điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự xử không

công nhận ông T và bà S là vợ chồng. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021 và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Bé S rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông T và bà S đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992. Trong quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, ông bà cũng thống nhất ly hôn nhau. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông T và bà S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Thị Minh T1 sinh ngày 16/10/1995 và Võ Thị Hồng D sinh ngày 09/11/1998, hiện nay sống cùng bà S. Xét thấy các con chung đã thành niên, có công việc ổn định nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà S đã thỏa thuận phân chia xong, không tranh chấp, phía bà S cũng đã rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi giải quyết vụ án ly hôn theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đối với bà S được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè cũng phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Minh T và bà Lê Thị Bé S là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Lê Thị Bé S.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Nợ chung: Không có

5. Về án phí: Ông Võ Minh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004055 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Trả lại cho bà Lê Thị Bé S 4.687.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004620 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng 02 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông
Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 571/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “ Tranh chấp ly hôn, con chung” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **VÕ MINH TRIẾT**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: ấp Lương Lễ, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **LÊ THỊ BÉ S**, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp Lương Lễ, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. *Chị* **VÕ THỊ MINH TRANG**, sinh năm 1995

3.2. *Chị* **VÕ THỊ MINH TRANG**, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: ấp Lương Lễ, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:

Căn cứ vào Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Minh T và bà Lê Thị Bé S là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Lê Thị Bé S.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Nợ chung: Không có

5. Về án phí: ông Võ Minh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004055 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Trả lại cho bà Lê Thị Bé S 4.687.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004620 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA